

**BỨC TRANH THÔN QUÊ –  
MỘT DẤU HIỆU CỦA XU HƯỚNG DÂN TỘC HÓA  
THỂ LOẠI ĐƯỜNG LUẬT TRONG HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP**

TRẦN QUANG DŨNG\*

**TÓM TẮT**

*Bức tranh thôn quê trong Hồng Đức quốc âm thi tập là hình ảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị; cuộc sống nông thôn với công việc đồng áng, chài lưới, câu đằm... Hình ảnh này vừa thể hiện xu hướng dân tộc hóa, xã hội hóa thể loại Đường luật, vừa khẳng định khả năng chiếm lĩnh hiện thực của tập thơ trong tiến trình của dòng thơ tiếng Việt thời trung đại.*

**Từ khóa:** thôn quê, thơ Nôm, Đường luật.

**ABSTRACT**

*The picture of the countryside – a sign of the trend of nationalizing  
Tang Prosody category in Hong Duc National Language Poem Collection*

*The picture of the countryside in Hong Duc National Language Poem Collection is the image of nature with the folk and daily beauty; a rural life with farming and fishing activities,... The image demonstrates the trend of nationalizing and socializing Tang Prosody. In addition, it proves the ability to dominate reality of the collection of poems in Vietnamese poems in the medieval period.*

**Keywords:** the countryside, Nom poetry, Tang's Prosody.

**1. Đặt vấn đề**

Thế kỉ XV được xem là thế kỉ của thơ Nôm Đường luật (TNĐL) với sự xuất hiện của hai “cột mốc lớn” đứng ở vị trí hàng đầu của dòng thơ tiếng Việt: *Quốc âm thi tập* (QATT) của Nguyễn Trãi và *Hồng Đức quốc âm thi tập* (HĐQATT) của Lê Thánh Tông cùng các thi nhân thời Hồng Đức. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về giá trị nội dung - tư tưởng cũng như nghệ thuật thể hiện của HĐQATT, nhằm khẳng định những đóng góp mang tính mở hướng của tập thơ cho sự phát triển của dòng TNĐL giai đoạn sau này. Trong phạm vi bài viết, chúng

tôi chỉ tập trung tìm hiểu *bức tranh thôn quê* được các thi nhân Hồng Đức tái hiện theo xu hướng dân tộc hóa thể loại, phá vỡ dần lối tư duy mang tính ước lệ, điển phạm của thơ Đường luật, mở ra một trường mĩ cảm mới và tạo một diện mạo mới cho Đường luật Nôm.

**2. Nội dung**

Khảo sát HĐQATT, chúng tôi nhận thấy rằng thơ viết về làng quê dân dã được thể hiện khá đậm nét qua các đề tài: *vịnh năm canh* (10 bài), *vịnh bốn mùa* (12 bài), *vịnh nắng mùa hè* (4 bài), *vịnh tứ thú* (13 bài), *vịnh thuyền người đánh cá* (3 bài), *vịnh đồ vật, phẩm vật* (15 bài)..., chiếm tỉ lệ 17% số lượng bài của tập thơ.

\* TS, Trường Đại học Hồng Đức

Căn cứ vào đối tượng và nội dung phản ánh trong từng bài thơ, cụm bài thơ (như đã thống kê ở trên), có thể phân loại bức tranh thôn quê trong HĐQATT thành hai tiểu loại: (i) *Một bức tranh thiên nhiên làng quê mang vẻ đẹp bình dị, dân dã*; (ii) *Một cuộc sống nơi thôn dã với công việc đồng áng, chài lưới, câu đằm*.

(Sự phân chia này cũng chỉ mang tính chất tương đối, bởi cảm hứng về thiên nhiên, tạo vật của các tác gia Hồng Đức trong tập thơ thường đi liền với cảm hứng về cuộc sống, xã hội và con người).

Như vậy, bên cạnh âm hưởng chung của tập thơ là những lời tụng ca về chế độ, vương triều, về “minh quân lương tướng”, “hiếu tử trung thần”... theo tinh thần Nho giáo. Cảm xúc thơ của các thi nhân Hồng Đức còn hướng về vẻ đẹp kì thú, bình dị của cuộc sống đời thường, dân dã, mang đậm bản sắc dân tộc Việt. Đây cũng là một trong những nguyên nhân lí giải vì sao một tập thơ được xem là khuôn sáo, công thức vào loại bậc nhất của văn chương trung đại, lại vẫn giữ được một vị trí quan trọng trong dòng thơ tiếng Việt.

### **2.1. Một bức tranh thiên nhiên làng quê mang vẻ đẹp bình dị, dân dã**

Theo số liệu khảo sát ở trên, bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị trong HĐQATT chủ yếu được thể hiện qua các cụm bài thơ vịnh về *năm canh, bốn mùa, vịnh nắng mùa hè*... Thật ra, việc lựa chọn các đề tài này làm điểm xuất phát cho cảm hứng sáng tạo, với các tác gia Hồng Đức vẫn là sự kế thừa thơ ca cổ điển khi viết về sự biến chuyển của thời khắc theo cái lẽ tuần hoàn của vũ trụ

trong triết lí cổ phương Đông. Tuy đề tài mang tính điển phạm, nhưng ở mỗi bài thơ trong các cụm thơ trên đều có một nội dung và hình thức biểu hiện ít nhiều riêng biệt, có giá trị tự thân, tách dần ra khỏi cái “khuôn” công thức có sẵn, thông qua đó mà bộc lộ tài năng và bản lĩnh của mỗi nhà thơ.

Đơn cử về chùm thơ vịnh *Ngũ canh thi*, thơ về *Năm canh* trong HĐQATT được viết theo lối xướng họa, có 10 bài, mỗi canh ứng với một cặp bài. Đứng riêng, mỗi bài là một chỉnh thể nghệ thuật độc lập của kết cấu - cảm xúc. Đặt trong tổng thể, mỗi bài là một “mắt xích liên hoàn” tạo nên một hình tượng thời gian vũ trụ “bất biến, tĩnh tại”, thể hiện đặc điểm riêng trong cảm thức về thời gian của thơ Việt Nam thời trung đại. Tuy vậy, cũng cần nhận thấy cách cảm nhận thật tinh tế về thời gian của các nhà thơ Hồng Đức cũng như sự vận động của nó qua từng bài thơ: thời gian ẩn tàng trong sự vật, hiện tượng, môi trường và dòng chảy thời gian được hiện ra qua các dấu hiệu vật chất, qua sự chuyển đổi của cảnh vật, nên thời gian hóa thành không gian. Do vậy, đề tài là ước lệ nhưng cảm xúc thơ đã chạm khắc được những bức tranh cảnh vật đặc sắc về làng quê Việt Nam:

*Táp tễnh trời vừa mọc đầu tinh,  
Ban khi trống một mới thu canh.  
Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,  
Suối núi chim gù ẩn lá xanh.  
Tuần điếm kìa ai khua mõ cá,  
Dâng hương kẻ nợ nện chày kinh.  
Nhà nam nhà bắc đều no mặt,  
Lùng lẫy cùng ca khúc thái bình.*  
(Nhất canh)

Bài thơ là giọng ca vui về cuộc sống thanh bình, qua cách cảm nhận cụ thể và tinh tế về khung cảnh làng quê lúc chập tối, thông qua tín hiệu *âm thanh* (tiếng trống thu canh, tiếng chim gù trong lá, tiếng mõ ngoài điểm canh, tiếng chuông chùa niệm Phật); *màu sắc* (lá xanh, sương bạc); qua *sự chuyển đổi của cảnh vật* (trời mọc đầu tinh, đầu nhà khói tỏa, sườn núi chim gù...) và qua *hoạt động của con người* (tuần điểm khuya mõ, kẻ nọ dâng hương...). Như vậy, dòng chảy thời gian vũ trụ khách quan đã được các nhà thơ tái hiện thông qua những biến đổi của thiên nhiên, cảnh vật và qua cả hoạt động của con người nơi làng quê; chất dân tộc đậm đà, xu hướng dân tộc hóa thể loại của bài thơ đã được bộc lộ ra từ đó. Vì thế, qua bức tranh *canh một*, người đọc hình dung được phần nào không khí đời sống xã hội ở thôn quê nửa sau thế kỉ XV.

Tìm hiểu chùm thơ *vinh ngũ canh*, năm bài xướng hay hơn năm bài họa, và cảm xúc về bức tranh thiên nhiên nơi thôn dã cũng được thể hiện rõ nét hơn. Chẳng hạn: “Đường quanh nhà thôn cửa chập cài - Cảnh vật chòm chòm bay lửa đóm...” (*Canh hai*); “Gió lay chồi ải khuya chim thức - Nước rẫy trắng tà giục sóng đưa - Vạc thần thơ tìm nội quanh - Trời lác đác về sao thưa” (*Canh tư*); “Rừng kia bố cốc còn khuya gióng - Làng nọ nông phu đã thức nằm - Bóng ác rạng đông trời đã sáng - Tiếng gà sôi nổi, tiếng hàn chiêm” (*Canh năm*)... Dưới ngòi bút của các nhà thơ Hồng Đức, mỗi *canh* là một cảnh sắc riêng, một cách cảm nhận riêng và giàu yếu tố tả thực. Trong mỗi *canh*, cảm hứng về thiên nhiên, tạo vật

thường xuất hiện đồng thời với sự quan sát xã hội. Vì thế, dù có mang âm hưởng Đường thi đến đâu, thiên nhiên trong chùm thơ *Năm canh* vẫn giàu nét đẹp bình dị của cuộc sống, con người nơi thôn dã.

Bức tranh thiên nhiên với vẻ đẹp dân dã, bình dị trong HỌQUATT còn được thể hiện khá đậm nét trong cụm bài thơ *vinh nắng mùa hè* (4 bài). Đặc biệt ở ba bài họa, cảm xúc thơ, hình ảnh thơ đã mang được hồn quê đất Việt:

*Đậu lá võ vàng con bướm bướm,  
Áp cây gậy guộc cái ve ve.*

(Bài 45)

*Khắc khoải đã đau lòng cái cuốc,  
Bắn khoăn thêm tức ngực con ve.*

(Bài 46)

*Nước nông sừng sực đầu rô trởi,  
Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè.  
Cuốc cuốc, cuốc hăng khuya mõ cuốc,  
Ve ve, ve lại gậy cầm ve.*

(Bài 47)

Trong những câu thơ trên, người đọc cảm nhận thật cụ thể cái hình hài “võ vàng” của con bướm, cái “gậy guộc” của con ve. Đặc biệt, qua âm thanh của tiếng ve, tiếng cuốc gọi hè, các nhà thơ Hồng Đức như còn hình dung ra được cả những nét tâm trạng của các loài vật vô tri: “bắn khoăn”, “tức ngực”, “khắc khoải”, “đau lòng”. Đó còn là cái mùi nồng của bùn nơi đồng ruộng khiến “đầu rô trởi”, và cái nắng chang chang của ngày hạ khiến “lưỡi chó lè”... Đây là những hình tượng thơ rất thực, chẳng có gì thanh tao, điển nhã nhưng lại rất điển hình cho cái nắng ngày hè ở nông thôn đồng bằng Bắc - Trung Bộ. Vì thế, theo nhà thơ Xuân

Diệu, những bài thơ vịnh mùa hè trong HDQATT có thể sánh với bất kì bài thơ vịnh mùa hè nào của những thế kỉ sau. [1]

Khi nói về thơ Nôm của Lê Thánh Tông và Hội Tao đàn, chúng ta không thể không thừa nhận đây là một trường thơ cung đình với những quy tắc gò bó, những chuẩn mực định sẵn, một trường thơ thiên về ngâm vịnh những đề tài công thức, ước lệ, dựa trên hình thức “vua xướng tôi họa” rất mực khuôn sáo và đơn điệu. Nhưng “từ trong khuôn khổ chật hẹp như thế, người làm thơ đã không phải không có những cố gắng vượt bậc để một đôi lúc bút phá được lên, vượt khỏi mọi sự trói buộc, rót sự sống và cảm xúc thực vào cho ngôn ngữ, biến hóa nó, làm cho hình tượng của thơ bỗng mất hẳn vẻ cao sang đài các thường thấy, và trở nên bình dị, suồng sã, thậm chí khó hình dung người viết lại ở ngay giữa triều đình” [4].

Mặt khác, chính sự đa dạng trong cách thể hiện nội dung ở các bài họa cùng một đề tài ở chùm bài thơ vịnh năm canh, vịnh nắng ngày hè còn chứng minh cho nỗ lực của các nhà thơ Hồng Đức trong xu hướng tìm kiếm một cách thể hiện riêng, vừa tránh được sự khuôn thước, sáo mòn của thi luật vừa khẳng định được tài năng và bản lĩnh nghệ thuật của cá nhân nhà thơ. Đúng hơn là, cuộc “bút phá”, mỗi “xung đột” thường trực giữa cái “khuôn” đề tài với nội dung phản ánh; giữa tình cảm nhà thơ với tư tưởng chính thống của thời đại; giữa tính khuôn sáo, điển phạm của văn chương nhà nho với xu hướng dân tộc hóa thể loại đã làm nên

nét hấp dẫn riêng, vị trí riêng cho HDQATT.

## 2.2. Một cuộc sống nơi thôn dã với công việc đồng áng, chài lưới, câu đằm

Xu hướng dân tộc hóa thể loại ở bức tranh thôn quê trong HDQATT, bên cạnh một bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị, còn phải nói đến bức tranh cuộc sống nơi thôn dã với công việc đồng áng, sông nước, chài lưới, câu đằm của người bình dân, đặc biệt là qua chùm thơ *Tứ thú* (13 bài) và vịnh *Thuyền người đánh cá* (3 bài).

Thật ra, lựa chọn đề tài *Tứ thú* với các nhà thơ Hồng Đức là xuất phát từ thế giới quan Nho giáo về người bình dân. Vì thế, hình tượng những con người “bình dân” ấy, trong nhiều trường hợp được phác thảo theo những khuôn mẫu nghệ thuật có sẵn. Chẳng hạn, về *Ngư*: “Chờ thuở nguồn Đào tiên lại gặp - Cùng nhau cặn kẽ buổi đầu mom” (Bài 54); về *Tiêu*: “Trời Nghiêu, ngày Thuấn mình ăn ở - Đình Thạch non Thai mặt ngược nhòm” (Bài 55); về *Canh*: “Cày Y cúi đờ dân Thương ngóng - Lều Cát nằm lui chúa Hán nhòm” (Bài 56); về *Mục*: “Tiếng ca Nịch Thích kê tai ngóng - Khúc địch Hoàn Y nghển cổ nhòm” (Bài 57)... Với cách nhìn ấy, để tạo cho người đọc cảm giác: những con người bình dân ấy, lao động với họ không phải để sinh tồn mà là để thưởng ngoạn cảnh sắc trời mây, sông nước. Họ xuất hiện trong tư thế của người thưởng ngoạn, ung dung thư thái, chứ đâu phải trong công việc vất vả, nhọc nhằn như chính người bình dân viết về công việc của họ:

*Cày đồng đang buổi ban trưa*

*Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày  
Ai ơi bưng bát cơm đầy  
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn  
phần.*

(Ca dao)

Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận hoàn toàn xu hướng dân tộc hóa thể loại ở đề tài này. Cụ thể hơn, bên cạnh những “con người công thức”, trong một số trường hợp, hình ảnh người bình dân hiện lên khá ấn tượng, giàu chất hiện thực của cuộc sống đời thường.

Chẳng hạn, là hình ảnh người kiếm cá:

*Manh áo quàng, mang lụp xụp  
Quai chèo xách, đứng lom khom.*

(Bài xướng)

*Nửa tấm áo tôi che lùn cùn  
Một cần câu trúc uốn khom khom.*

(Bài họa)

*Người hái củi:  
Có thỏ xa trông vàng ác xé  
Dé chân nheo nhéo đứng đầu mom.*

(Bài xướng)

*Đầu non đã tạnh khói còn om  
Mấy gã tiều phu đã sớm nom.*

(Bài họa)

*Người đi cày:  
Tắc đất, tắc vàng yêu bấy tá  
Mồ hôi dòn dôi thỏ đầu mom.*

(Bài xướng)

*Có thỏ nông nhàn khi việc giã  
Đèo heo hóng mát ở ngoài mom.*

(Bài họa)

*Người chẵn trâu:  
Mũi ghé lui chân đứng nhảy  
U trâu vịn cật ngồi khom.*

(Bài xướng)

*Bạn xúm nội bằng cười khặc khặc*

*Trâu về ngõ hẹp cười khom khom.*  
(Bài họa) [3]

Rõ ràng, ở đề tài *Tứ thú* các tác gia Hồng Đức đã kết hợp hài hòa giữa cảm xúc Nho giáo với nội dung dân tộc trong nghệ thuật miêu tả, thể hiện. Vì thế, có những hình ảnh ước lệ đi liền với hình ảnh của cuộc sống đời thường: Nửa bó yên hà / mang đứng đỉnh, Đồi bên phong nguyệt / quây khom khom (Họa bài người hái củi); Đồi Vũ tắm mưa / tai nhấp nhấp, Nội Châu cuộc nguyệt / cật khom khom (Họa bài người đi cày); Tiếng ca Nịch Thích / kê tai ngóng, Khúc địch Hoàn Y / nghén cổ nhòm (Họa bài người chẵn trâu)...

Đặc biệt, trong nhiều trường hợp, yếu tố hiện thực khá đậm nét, xu hướng dân tộc hóa hình tượng thơ lần át biểu tượng nghệ thuật cổ điển, Đường thi. Chẳng hạn: “manh áo quàng, mang lụp xụp”, “Quai chèo xách đứng lom khom” (Ngũ); “... một đôn mang lếch thếch”, “...đôi bó quây lom khom”, “Dé chân nheo nhéo đứng đầu mom” (Tiều); “... bó cốc tiếng kêu om”, “... cúi lưng khom”, “... khoan chân đứng”, “... cật mặt nhòm”, “Mồ hôi dòn dôi thỏ đầu mom” (Canh); “Mũi ghé lui chân đứng nhảy”, “U trâu vịn cật ngồi khom” (Mục). Hoặc: “Nửa tấm áo tôi che lùn cùn”, “Một cần câu trúc uốn khom khom” (Họa bài người kiếm cá); “Đèo heo hóng mát ở ngoài mom” (Họa bài người đi cày); “Bạn xúm nội bằng cười khặc khặc”, “Trâu về ngõ hẹp cười lom khom” (Họa bài người chẵn trâu); “Mũi rách đập dềnh năm bảy chiếc – Chèo cùn nắm nổi một đôi đai” (Vịnh thuyền người đánh

cá). Và đây nữa là cuộc hội ngộ của “Tứ thú” trong những ngày nông nhàn:

*Đêm rượu, ngày rồi họp bốn người,  
Cùng bày sở thú bảo nhau chơi.  
Con trâu tở béo com người trắng,  
Đon củi người nhiều cá tở tươi...  
Cấp cầm, con Tuyết tình cờ đến,  
Bỏ nón, lùi chân khặc khặc cười.  
(Tứ thú tương thoại)*

Bài thơ xuất hiện hàng loạt các hình tượng nghệ thuật bắt nguồn trực tiếp từ hiện thực đời sống thôn quê: “trâu béo”, “com trắng”, “củi nhiều”, “cá tươi”... Cũng thật khó “phân định” về thành quả lao động của “người” và “tở”... Và thật bất ngờ “con Tuyết đến”, dường như mọi thứ đã được giải tỏa, mọi tập trung hướng về “con Tuyết”: con Tuyết cấp “cầm”, “bỏ nón”; con Tuyết “lùi chân” và “khặc khặc cười”... Hình tượng “con Tuyết” cụ thể tên, cụ thể dáng vẻ, động tác, tình cảm chẳng phải đã vượt lên trên tính ước lệ, điển phạm của thơ luật để phản ánh hiện thực cuộc sống như nó vốn tồn tại đó sao? Rõ ràng là, nhờ sáng tạo được những hình tượng nghệ thuật bắt nguồn trực tiếp từ hiện thực cuộc sống đời thường, dân dã mà những “con người công thức” ấy đã được hiện lên một cách sinh động, vừa bình dị, vừa chân thực và bắt đầu xuất hiện cả sắc thái tâm trạng, tình cảm nữa.

Xét thêm cụm bài thơ viết về *Tiêu Tương bát cảnh, Đào nguyên bát cảnh* (16 bài) – một đề tài mà Trần Quốc Vượng cho rằng có sự ảnh hưởng của thơ Tàu khá rõ – cũng đã xuất hiện hàng loạt những hình tượng nghệ thuật bắt nguồn trực tiếp từ cuộc sống đời thường như: *điểm nọ, lều kia, đầu non, cuối bãi, chợ*

*quê, ngày tạnh, áo tôi sù sụ, lều ăn gió,  
nước rặc lui, cửa che lều, người quẩy  
củi, mõ vang, chuông gió... khiến cho  
cảnh sắc thiên nhiên và hiện thực đời  
sống mang một vẻ đẹp bình dị, giảm đi  
tính điển phạm, bác học vốn có của tập  
thơ. Chẳng hạn:*

*Lẻ thẽ năm ba nhà khắp đời,  
Cuộc cày sá tiếc trận rào thôi.  
Bủa chài cuối bãi thuyền đôi chiếc,  
Hái củi đầu non búa kẻ đôi.*

*(Trà Thượng sa cư)*

Chúng ta không phủ nhận sự ảnh hưởng của thơ ca Trung Quốc đối với thơ trung đại, TNĐL. Nhưng “từ vay mượn, sử dụng các biểu tượng nghệ thuật có sẵn, cố định trong sách vở, trong tư tưởng, quan niệm của văn chương nhà nho, các tác gia Hồng Đức đã từng bước tách khỏi sự ảnh hưởng của tính quy phạm, ước lệ của Đường luật, từng bước Việt hóa và sáng tạo ra một hệ thống hình tượng nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc, nhất là ở mảng thơ viết về đề tài thôn quê, đem lại cho Đường luật Nôm sự cách tân, tạo nét khu biệt với Đường luật Hán” [2].

### 3. Kết luận

Nhìn một cách khái quát trên cả phương diện nội dung phản ánh và nghệ thuật biểu hiện của HDQATT luôn diễn ra hai xu hướng trái chiều: vừa hướng tới tiếp thu, kế thừa những tinh hoa của Đường thi, những yếu tố tích cực trong tư tưởng, trong sáng tạo nghệ thuật của văn chương Nho giáo, vừa tạo ra sự tiếp biến, cách tân theo tinh thần dân tộc và tư tưởng của thời đại.

Bên cạnh các đề tài - chủ đề về tình yêu lứa đôi, về bi kịch của người phụ nữ trong đời sống tình cảm, về vịnh sử Nam, về các đồ vật, phẩm vật trong cuộc sống đời thường... thì đề tài thôn quê trong HỌATT với hình ảnh một bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị và một cuộc sống đồng nội với công việc

đồng áng, sông nước, chài lưới, câu đằm... đã thể hiện khá rõ xu hướng dân tộc hóa, xã hội hóa thể loại Đường luật, vừa khẳng định khả năng chiếm lĩnh hiện thực của Đường luật Nôm, vừa tạo ra nét khu biệt giữa Đường luật Nôm với Đường luật Hán.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xuân Diệu (1971), "Lời giới thiệu", *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Trần Quang Dũng (2005), *Hồng Đức quốc âm thi tập trong tiến trình thơ Nôm Đường luật Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (1998), *Lê Thánh Tông: nhà chính trị tài năng, nhà văn hóa lỗi lạc, nhà thơ lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-8-2011; ngày phản biện đánh giá: 12-9-2011;  
ngày chấp nhận đăng: 04-12-2012)

#### QUAN NIỆM NHÂN SINH ...

(Tiếp theo trang 25)

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc (1963), *Hồng lâu mộng* (Vũ Bội Hoàng, Trần Quảng dịch), Nxb Văn hóa, Viện Văn học.
2. Ming – Dong Gu (2010), "Hong học tâm bệnh: Tiếp cận *Hồng lâu mộng* từ phân tâm học" (Nguyễn Đào Nguyên và Trần Hải Yến dịch), *Nghiên cứu Văn học*, (10).
3. Lý Hy Phàm (1959), "Vị trí của Thủy hử và Kim Bình Mai trong quá trình phát triển của văn học hiện thực chủ nghĩa Trung Quốc" (Lương Duy Thứ dịch, bản rô-nê-ô), trong sách *Nghiên cứu tiểu thuyết Minh Thanh*, Nxb Văn hóa Nhân dân Bắc Kinh.
4. Nguyễn Khắc Phi (1979), "Vị trí hồi một trong *Hồng lâu mộng*", *Kỷ yếu Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội* (bản rô-nê-ô).
5. Lỗ Tấn (1996), *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-8-2011; ngày phản biện đánh giá: 12-9-2011;  
ngày chấp nhận đăng: 04-12-2012)